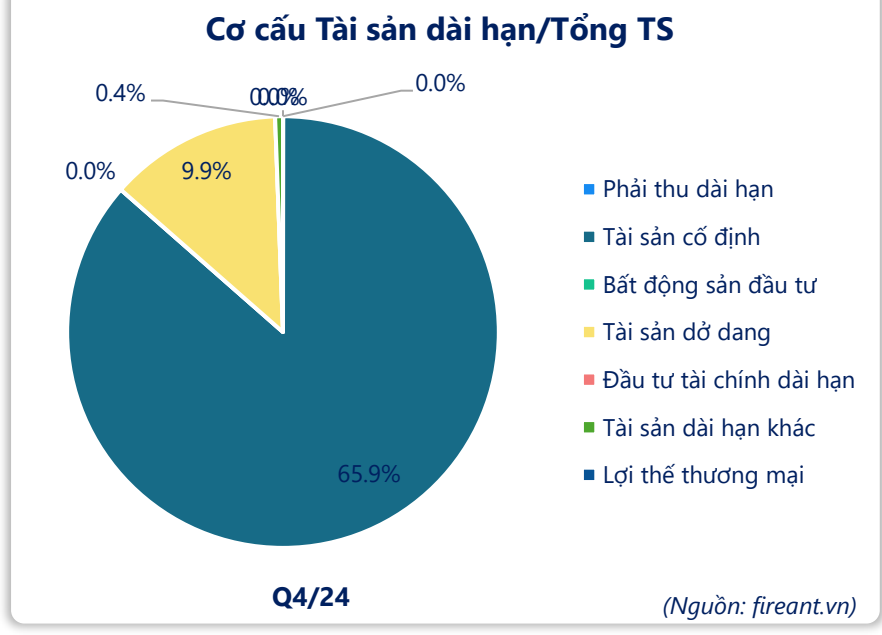
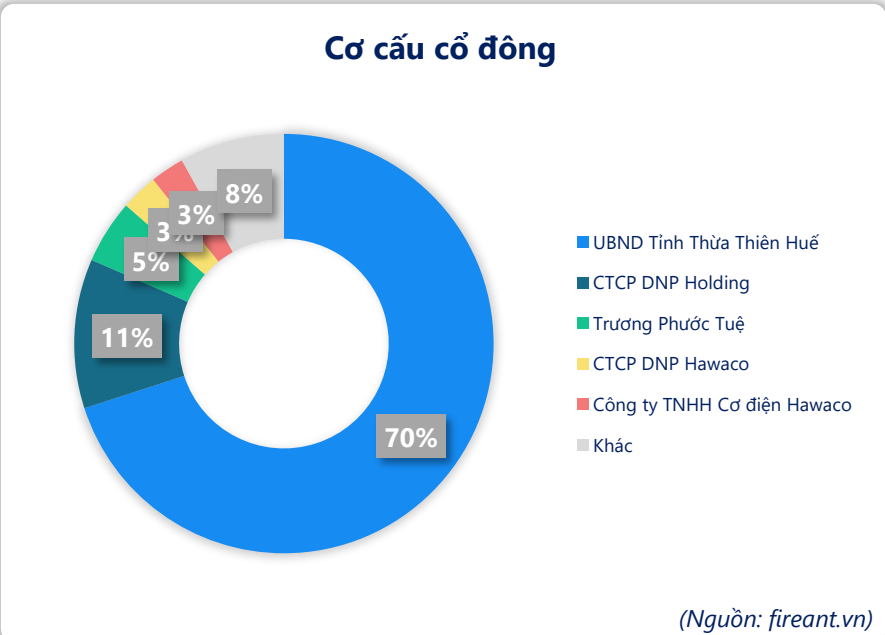
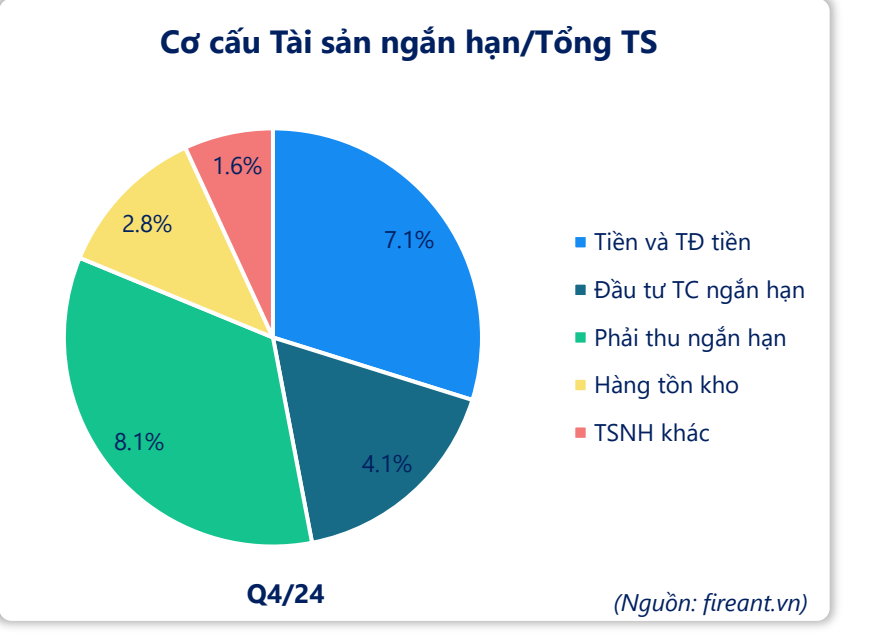
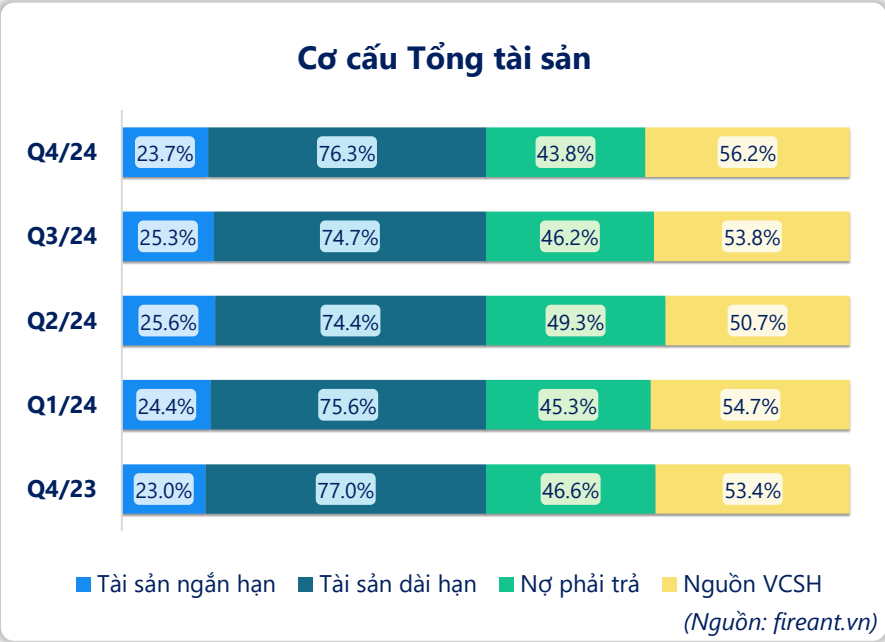
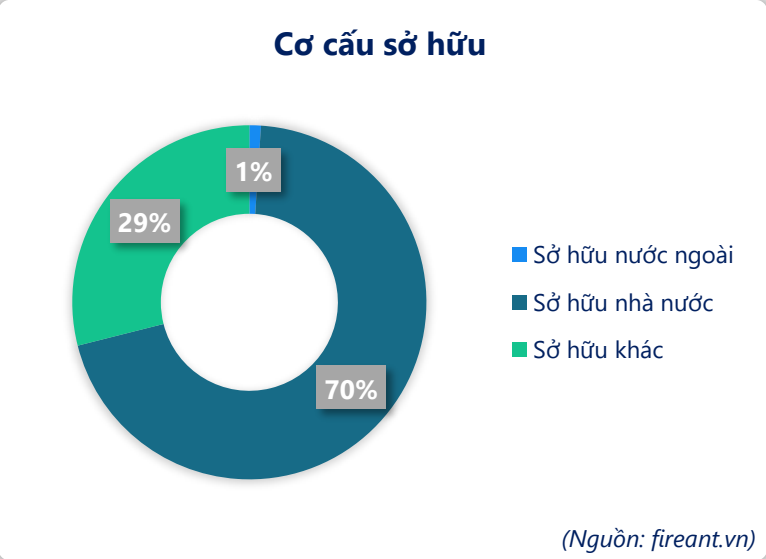
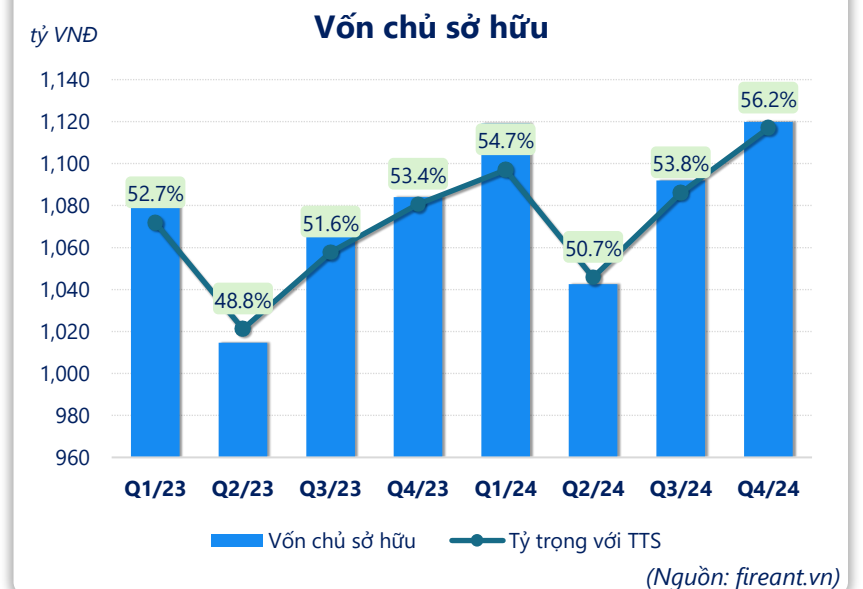
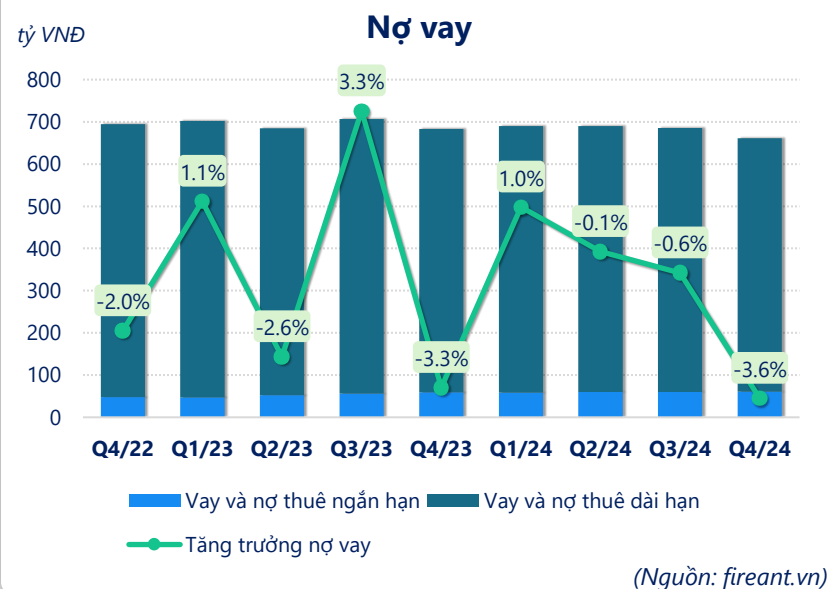
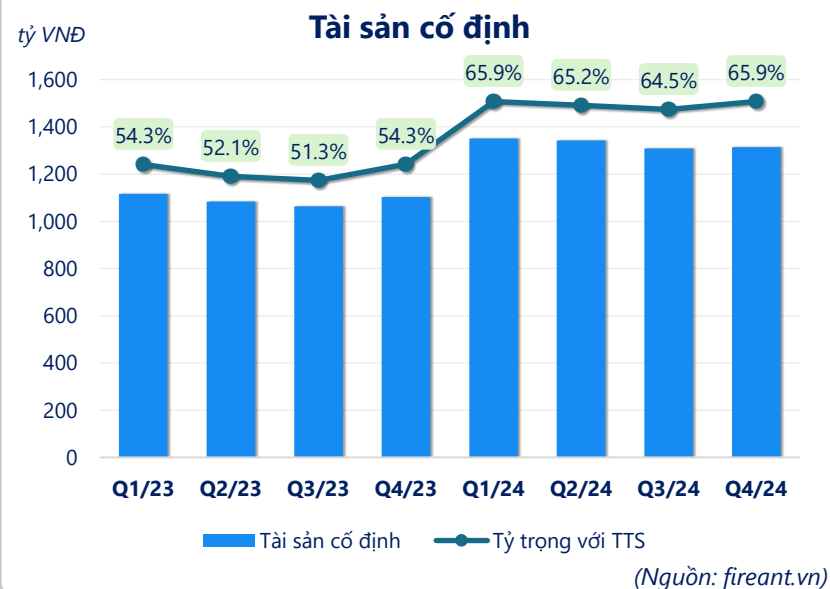
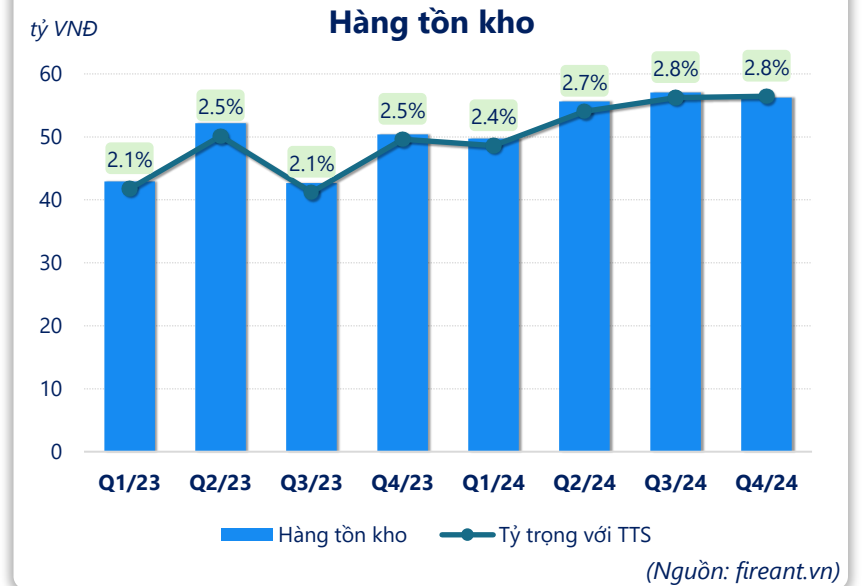
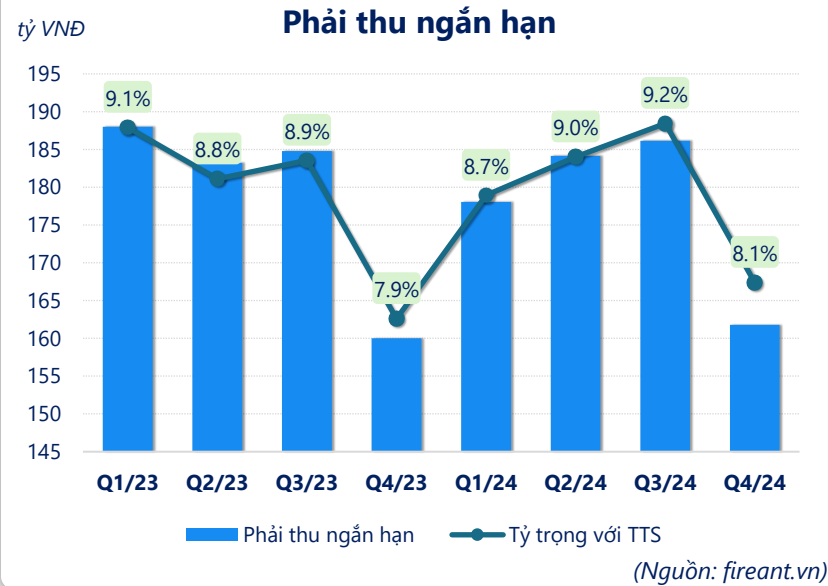
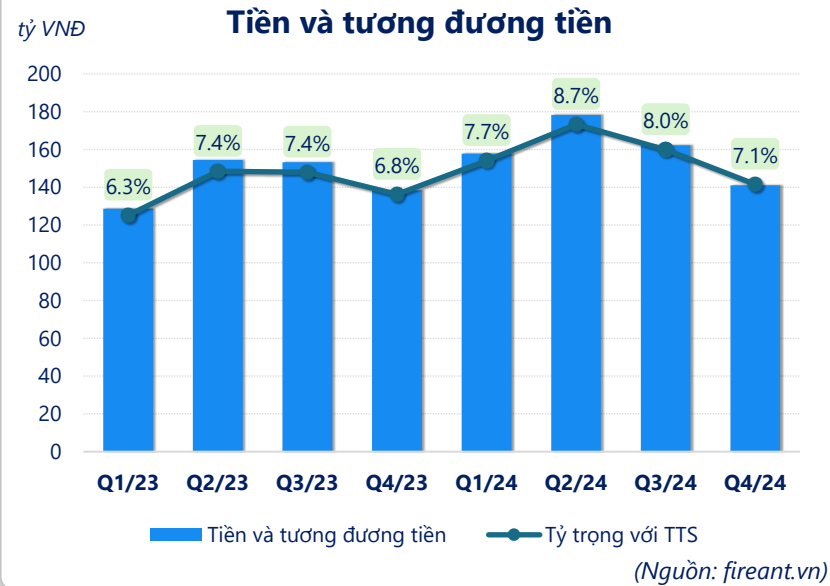
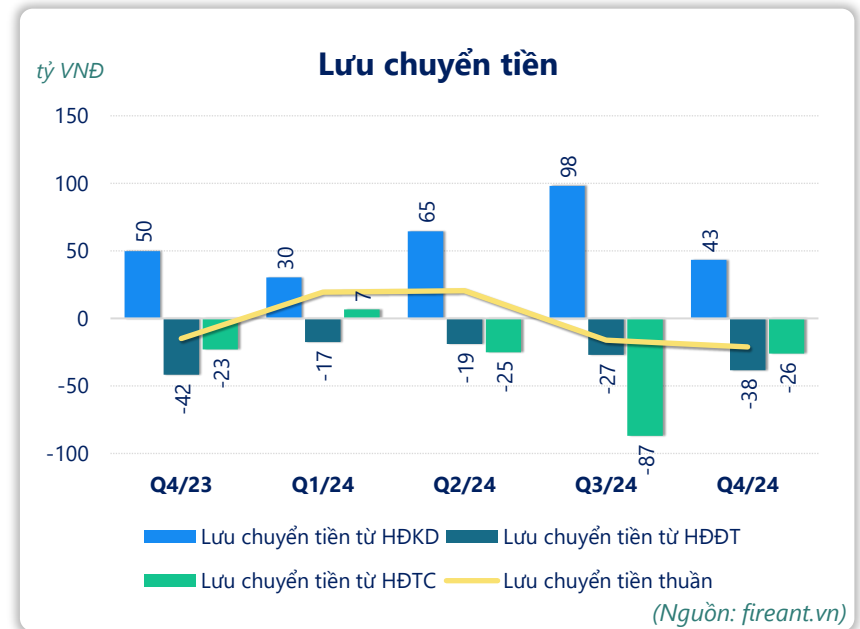
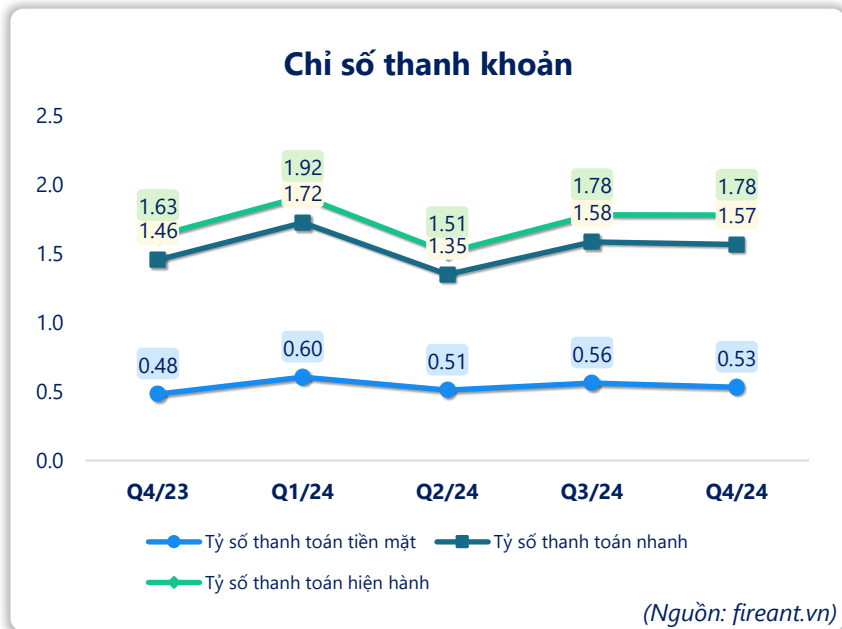
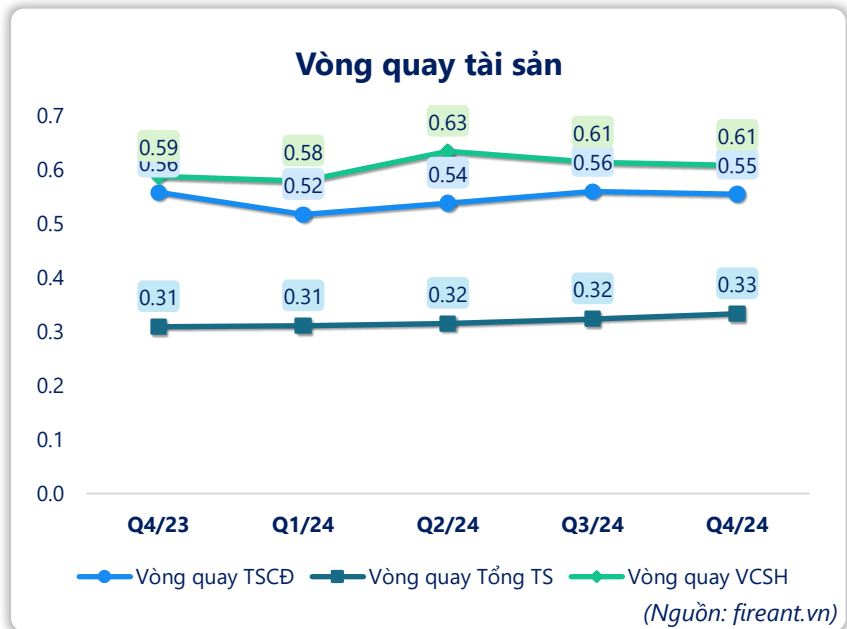
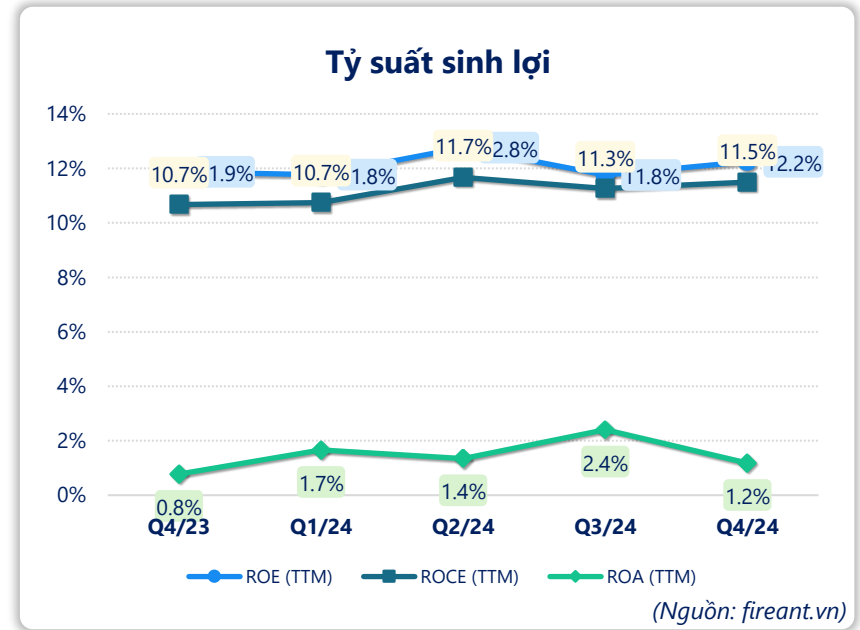
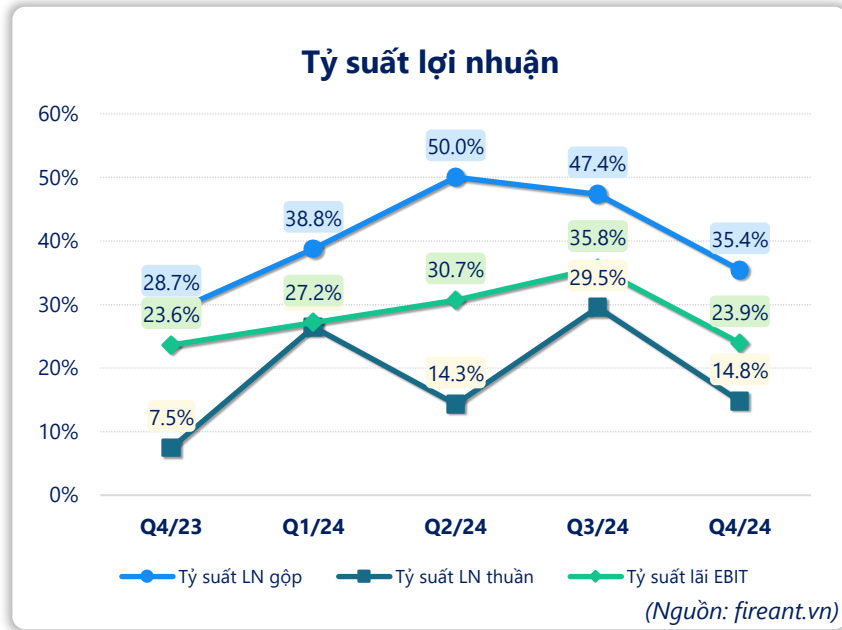
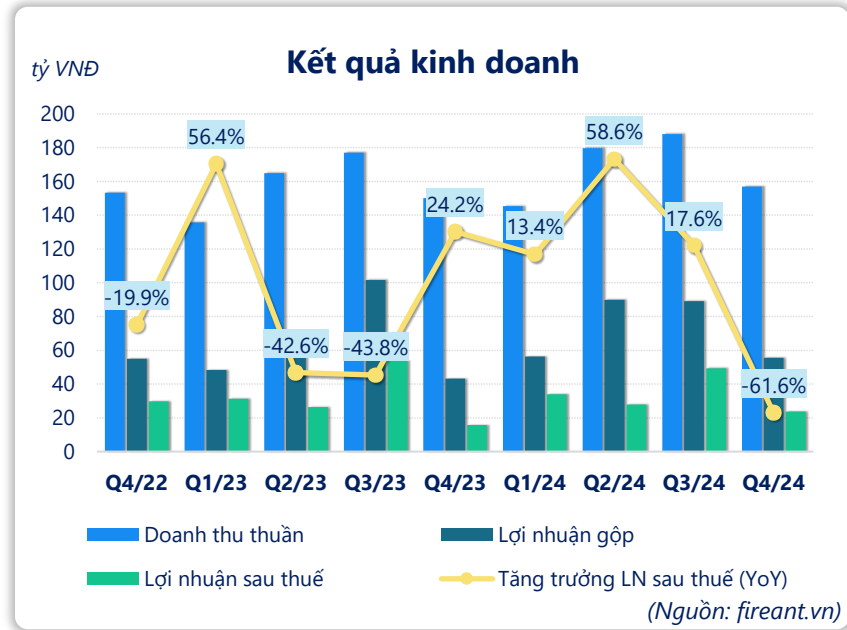


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		16,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,781
SL cổ phiếu LH		87,383,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		29,000
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,477
P/E		10.9
EPS		1,544

	YTD	1T	3T	6T
HWS		1.2%	2.4%	10.2%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,992	2,033	-2.0%
Tài sản ngắn hạn	473	467	1.3%
Tiền và tương đương tiền	141	138	2.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	81.2	75.7	7.2%
Phải thu ngắn hạn	162	159	1.5%
Hàng tồn kho	56.2	49.5	13.6%
Tài sản ngắn hạn khác	32.5	43.6	-25.4%
Tài sản dài hạn	1,520	1,566	-3.0%
Phải thu dài hạn	0.30	0.17	73.3%
Tài sản cố định	1,314	1,386	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	197	174	13.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.86	6.11	45.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	873	948	-7.9%
Nợ ngắn hạn	266	288	-7.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.3	59.2	1.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.5	35.4	-22.4%
Nợ dài hạn	607	660	-8.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	601	624	-3.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,120	1,085	3.2%
Vốn chủ sở hữu	1,120	1,085	3.2%
Vốn điều lệ	876	876	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	150	145	180	188	157
Giá vốn hàng bán	107	89.0	89.8	99.0	101
Lợi nhuận gộp	43.2	56.4	89.9	89.1	55.6
Doanh thu HĐTC	4.10	0.70	2.28	0.49	2.40
Chi phí TC	13.7	1.35	47.0	10.5	13.3
Chi phí lãi vay	13.7	1.35	21.4	10.5	11.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.05	3.90	6.24	6.29	6.68
Chi phí QLDN	16.3	13.4	13.2	17.3	14.8
LN thuần từ HĐKD	11.2	38.4	25.7	55.6	23.2
Lợi nhuận khác	10.6	-0.25	8.00	1.29	2.78
LN trước thuế	21.8	38.2	33.7	56.8	26.0
Lợi nhuận sau thuế	15.8	34.0	27.9	49.3	23.7
LNST của CĐ cty mẹ	15.8	34.0	27.9	49.3	23.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.8	30.2	64.5	98.0	43.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.7	-17.4	-18.9	-27.1	-38.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.0	6.70	-25.2	-87.0	-26.1
Tiền đầu kỳ	153	138	158	178	162
Lưu chuyển tiền thuần	-14.8	19.5	20.5	-16.1	-21.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	138	158	178	162	141

(Nguồn: fireant.vn)